

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THỊNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **242 /2020/DS-ST**

Ngày: 13-8-2020

V/v : “Đòi tài sản “

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THỊNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thịnh phần Hội Đ1 xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Ngọc Thanh

2/ Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

- *Thư ký phiên tòa:* bà Trần Hương Giang - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, tH1nh phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, tH1nh phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Dân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03, 07 và ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2020/DSST ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc “Đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2020/QĐXXST- DS ngày 08 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 277/2020/QĐST-DS ngày 03/07/2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 394/QĐST- DS ngày 03/08/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thu H1, sinh năm 1968

Địa chỉ : 48/2 T1, phường 4, quận T2, thành phố H1.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Bá Q1, sinh năm 1987

Địa chỉ : 9C Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, tH1nh phố Biên Hòa

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1976

Địa chỉ: 183/2T3, phường T4, quận T4, thành phố H1.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Quốc Đ2, sinh năm 1992

Địa chỉ: 19A Quốc lộ Z, ấp H2, xã B1, huyện H2, thành phố H1.

(các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 16/12/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thu H1 và bà Nguyễn Thị Hương (vợ của ông Nguyễn Văn Đ1) là quan hệ chị em ruột nên bà H1 tin tưởng đưa tiền cho ông Đ1 mượn. Cụ thể như sau:

+ Ngày 02/10/2014 bà H1 cho ông Đ1 mượn số tiền 1.000.000.000 Đ1 (Một tỷ Đ1); thời hạn mượn là 11 tháng từ ngày 15/01/2014 đến ngày 15/11/2014; việc mượn tiền có lập hợp Đ1 mượn tiền.

+ Ngày 06/11/2014 bà H1 cho ông Đ1 mượn số tiền 1.000.000.000 Đ1 (Một tỷ Đ1); thời hạn mượn là 06 tháng từ ngày 06/11/2014 đến ngày 06/05/2015; việc mượn tiền có lập hợp Đ1 mượn tiền.

+ Ngày 11/11/2014 bà H1 cho ông Đ1 mượn số tiền 700.000.000 Đ1 (Bảy trăm triệu Đ1); thời hạn mượn là 4 tháng từ ngày 11/11/2014 đến ngày 11/03/2015; việc mượn tiền có lập hợp Đ1 mượn tiền.

+ Ngày 24/09/2015 bà H1 cho ông Đ1 mượn số tiền 1.000.000.000 Đ1 (Một tỷ Đ1); thời hạn mượn là 6 tháng từ ngày 24/09/2015 đến ngày 24/03/2016; việc mượn tiền có lập hợp Đ1 mượn tiền

+ Ngày 31/10/2015 bà H1 cho ông Đ1 mượn số tiền 200.000.000 Đ1, thời hạn mượn là 01 tháng từ ngày 31/10/2015 đến ngày 31/11/2015; việc mượn tiền có lập biên nhận.

+ Ngày 21/03/2016 bà H1 có cho ông Đ1 vay số tiền 1.000.000.000 Đ1, thời hạn vay là 3 tháng từ ngày 21/03/2016 đến ngày 21/06/2016; Lãi suất là 4,5%/tháng ; việc mượn tiền có lập hợp Đ1 mượn tiền

+ Ngày 09/05/2019 chuyển khoản Ủy nhiệm chi tại ngân hàng H1ng Sacombank – PGD Gò Vấp, Tp. HCM số tiền 3.000.000.000 Đ1 vào tài khoản của ông Đ1 số : 3568668 ở ngân hàng H1ng Á Châu.

Tổng cộng ông Đ1 đã mượn của bà H1 số tiền là 7.900.000.000 Đ1

- Từ khi vay mượn tiền đến nay, bà H1 đã nhiều lần yêu cầu ông Đ1 thanh toán nhưng ông Đ1 cứ né tránh, không thực hiện nên nay bà H1 khởi kiện yêu cầu ông Đ1 thanh toán số tiền 7.900.000.000 Đ1, không yêu cầu lấy lãi, thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Khi cho ông Đ1 vay tiền, biết là ông Đ1 có vợ là bà Hương nhưng chỉ cho cá nhân ông Đ1 mượn nên yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Văn Đ1 có trách nhiệm thanh toán số tiền trên.

Bà H1 có chồng tên Lê Ngọc T6 nhưng số tiền bà H1 cho ông Đ1 vay mượn là tiền riêng của cá nhân bà H1 nên bà không yêu cầu đưa ông T6 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

*** Ông Lê Ngọc T6 trình bày:** Ông là chồng của bà Nguyễn Thu H1, đối với hợp Đ1 ngày 06/11/2014 ông có ghi tên và ký tên bên cho mượn tiền cùng với bà H1 nhưng thực tế số tiền này của riêng bà H1, tất cả số tiền bà H1 cho ông Đ1 vay mượn trên là tiền riêng của bà H1, không phải là tài sản chung của vợ chồng. Ông yêu cầu ông Đ1 trả số tiền trên cho bà H1, các số tiền này không liên quan gì đến ông và ông không thắc mắc hay khiếu nại gì đối với việc ông Đ1 trả tiền cho cá nhân bà H1. Số tiền trên không liên quan gì đến ông nên ông xin vắng mặt.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo luật định

Tại phiên tòa hôm nay:

- **Về tiền gốc theo các giấy nợ :**

+ Đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền theo các hợp Đ1 mượn tiền ngày 02/10/2014, 06/11/2014, 11/11/2014, 24/09/2015, biên nhận ngày 31/10/2015, hợp Đ1 vay tiền 21/03/2016, Ủy nhiệm chi ngày 09/05/2019. Tổng cộng là 7.9000.0000.000 Đ1.

+ Đại diện bị đơn trình bày: Ông Nguyễn Văn Đ1 xác nhận có vay của bà Nguyễn Thu H1 số tiền 3.000.000.000 Đ1 theo Ủy nhiệm chi ngày 09/05/2019; vay số tiền 1.000.000.000 Đ1 theo hợp Đ1 vay tiền ngày 21/03/2016; vay số tiền 200.000.000 Đ1 theo biên nhận ngày 31/10/2015. Tổng số tiền vay là 4.200.000.000 Đ1.

Ông Nguyễn Văn Đ1 xác nhận chữ ký và chữ viết trên các hợp Đ1 mượn tiền ngày 02/10/2014, 06/11/2014, 11/11/2014, 24/09/2015 là của ông Đ1 nhưng giữa các bên chưa có việc bàn giao tiền, ông Đ1 không có nhận tiền nên căn cứ Điều 512 Bộ luật dân sự năm 2005 thì các hợp Đ1 vay tiền trên chưa được xác lập nên ông Đ1 không Đ1 ý số nợ 3.700.000.000 Đ1 theo các hợp Đ1 vay tiền này.

Đại diện nguyên đơn trình bày: Ông Đ1 đã nhận đủ tiền nên mới ký và ghi họ tên vào bên mượn tiền của các hợp Đ1 vay tiền trên, ngoài ra phía sau của tờ hợp Đ1 vay tiền ngày 06/11/2014 tự tay ông Đ1 ghi và ký tên là “Tổng cộng 3 tờ giấy mượn tiền số tiền là 2.700.000.000 Đ1 nên việc đại diện bị đơn cho rằng ông Đ1 không có nhận tiền là không đúng .

- **Về tiền lãi:** Đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn thống nhất số tiền lãi mà nguyên đơn đã nhận và bị đơn đã trả tổng cộng là 650.000.000 Đ1 theo các ủy nhiệm chi ngày 27/02/2019 là 100.000.000 Đ1; ngày 18/04/2019 là 150.000.000 Đ1; ngày 14/05/2019 là 150.000.000 Đ1; ngày 21/5/2019 là 100.000.000 Đ1; ngày 12/06/2019 là 150.000.000 Đ1.

Đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn thống nhất không yêu cầu xem xét về việc đã trả và nhận tiền lãi giữa hai bên đối với các khoản vay trên. Hai bên thống nhất không yêu cầu tính lãi đối với các khoản vay trên

- **Về trách nhiệm thanh toán:** Đại diện nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất việc vay tiền do cá nhân ông Đ1 vay và cá nhân ông Đ1 có trách nhiệm thanh toán, không liên quan đến vợ ông Đ1 (bà Nguyễn Thị Hương) và không đưa bà Hương vào tham gia tố tụng với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện này.

Đại diện nguyên đơn trình bày: Ông T6 có bản khai xác nhận tất cả số tiền bà H1 cho ông Đ1 vay mượn là tiền riêng của bà H1, không phải là tài sản chung của vợ chồng kể cả giấy nợ ngày 06/10/2014 bên cho mượn tiền có ghi tên ông T6 nhưng cũng là tiền của cá nhân bà H1 nên đề nghị ông Đ1 trả cho cá nhân bà H1. Đại diện bị đơn Đ1 ý vì bà H1 hay ông T6 cũng là một nên nay ông T6 (chồng bà H1) có bản khai thể hiện số tiền này là của bà H1, ông Đ1 Đ1 ý thanh toán số tiền trên cho cá nhân bà

H1. Đại diện nguyên đơn, đại diện bị đơn thống nhất không đưa ông T6 vào tham gia tố tụng với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện này

- Về thời hạn và phương thức thanh toán :

Đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn 01 lần, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đại diện bị đơn yêu cầu thanh toán trong hạn 6 tháng vì hiện tại bị đơn khó khăn về kinh tế.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội Đ1 xét xử và việc chấp H1nh pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội Đ1 xét xử nghị án là tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên có vi phạm về thời gian đưa vụ án ra xét xử nhưng không có Quyết định gia hạn xét xử.

+ Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, sau khi nghị án Hội Đ1 xét xử nhận định:

1.Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện ngày 16/12/2019 của bà Nguyễn Thu H1. Hội Đ1 xét xử xác định đây là vụ án về “Đòi tài sản” qui định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn hiện cư ngụ tại quận Tân Phú nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú, TH1nh phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất việc vay tiền do cá nhân ông Đ1 vay và cá nhân ông Đ1 có trách thanh toán, không liên quan đến vợ ông Đ1 (bà Nguyễn Thị Hương) và không đưa bà Hương vào tham gia tố tụng. Do đó, Hội Đ1 xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không đưa bà Hương vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ông Lê Ngọc T6 có bản khai xác nhận tất cả số tiền bà H1 cho ông Đ1 vay mượn là tiền riêng của bà H1, không phải tài sản chung của vợ chồng kể cả giấy nợ ngày 06/10/2014 bên cho mượn tiền có ghi tên ông T6 nhưng cũng là tiền của cá nhân bà H1 nên đề nghị ông Đ1 trả cho cá nhân bà H1. Đại diện bị đơn Đ1 ý thanh toán số tiền trên cho cá nhân bà H1. Đại diện nguyên đơn, đại diện bị đơn thống nhất không đưa ông T6 vào tham gia tố tụng. Do đó, Hội Đ1 xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không đưa ông T6 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2. Về yêu cầu của đương sự:

- Về số tiền vay giữa hai bên:

Đại diện bị đơn xác nhận ông Nguyễn Văn Đ1 xác nhận có vay của bà Nguyễn Thu H1 số tiền 3.000.000.000 Đ1 theo Ủy nhiệm chi ngày 09/05/2019; vay số tiền

1.000.000.000 Đ1 theo hợp Đ1 vay tiền ngày 21/03/2016; vay số tiền 200.000.000 Đ1 theo biên nhận ngày 31/10/2015. Tổng số tiền vay là 4.200.000.000 Đ1 nên Hội Đ1 xét xử ghi nhận.

Đại diện bị đơn xác nhận chữ ký và chữ viết trên các các hợp Đ1 mượn tiền ngày 02/10/2014, 06/11/2014, 11/11/2014, 24/09/2015 là của ông Đ1 nhưng giữa hai bên chưa có việc bàn giao tiền, ông Đ1 không có nhận tiền nên các hợp Đ1 vay tiền trên chưa được xác lập thực hiện. Hội Đ1 xét xử xét thấy, việc đại diện bị đơn cho rằng ông Đ1 không có nhận tiền, chưa có việc bàn giao tiền nhưng không có chứng cứ chứng minh và đại diện nguyên đơn không thừa nhận. Bên cạnh đó, căn cứ vào các hợp Đ1 vay tiền ngày 02/10/2014, 06/11/2014, 11/11/2014, 24/09/2015 thể hiện cụ thể bên cho mượn là bà Nguyễn Thu H1, bên mượn tiền là ông Nguyễn Văn Đ1, số tiền mượn, thời hạn mượn và cam kết chung về việc không thanh toán, các hợp Đ1 vay tiền này ông Đ1 đều ký tên, ghi tên ông Đ1 ở bên mượn tiền và ở mặt sau trên hợp Đ1 ngày 6/11/2019 ông Đ1 đã tái xác nhận việc mượn tiền nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của đại diện bị đơn. Ngược lại, căn cứ trên các hợp Đ1 vay tiền ngày 02/10/2014, 06/11/2014, 11/11/2014, 24/09/2015 có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ông Đ1 có vay của bà H1 số tiền 3.700.000.000 Đ1.

- **Về tiền lãi:** Đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn thống nhất số tiền lãi mà nguyên đơn đã nhận và bị đơn đã trả tổng cộng là 650.000.000 Đ1 theo các ủy nhiệm chi ngày 27/02/2019 là 100.000.000 Đ1; ngày 18/04/2019 là 150.000.000 Đ1; ngày 14/05/2019 là 150.000.000 Đ1; ngày 21/5/2019 là 100.000.000 Đ1; ngày 12/06/2019 là 150.000.000 Đ1, giữa đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn thống nhất không yêu cầu xem xét về việc đã trả và nhận lãi đối với các khoản vay trên, không yêu cầu tính lãi đối với các khoản vay trên nên Hội Đ1 xét xử không xem xét.

- **Về thời hạn và phương thức thanh toán:**

Hội Đ1 xét xử xét thấy, ông Đ1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo sự thỏa thuận giữa hai bên, đại diện bị đơn yêu cầu thanh toán trong hạn 06 tháng, không được đại diện nguyên đơn Đ1 ý nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bị đơn. Đại diện nguyên đơn yêu cầu thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên được chấp nhận.

- **Về trách nhiệm thanh toán:**

Đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn thống nhất do cá nhân ông Nguyễn Văn Đ1 thanh toán cho cá nhân bà Nguyễn Thu H1. Hội Đ1 xét xử xét thấy, việc thống nhất về trách nhiệm thanh toán của đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn phù hợp với các tài liệu chứng cứ và qui định pháp luật nên ghi nhận

Từ những nhận định trên, buộc ông Nguyễn Văn Đ1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thu H1 số tiền là 7.900.000.000 Đ1 theo các hợp Đ1 mượn tiền ngày 02/10/2014, 06/11/2014, 11/11/2014, 24/09/2015, biên nhận ngày 31/10/2015, hợp Đ1 vay tiền 21/03/2016, Ủy nhiệm chi ngày 09/05/2019 . Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông Nguyễn Văn Đ1 phải chịu án phí là 115.900.000 Đ1.

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thu H1

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 116, Điều 166, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thu H1.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thu H1 số tiền 7.900.000.000.000 Đ1 theo các hợp Đ1 mượn tiền ngày 02/10/2014; ngày 06/11/2014; ngày 11/11/2014; ngày 24/09/2015; Biên nhận ngày 31/10/2015; hợp Đ1 vay tiền ngày 21/03/2016; Ủy nhiệm chi ngày 09/05/2019.

Thời hạn và phương thức thanh toán: Thanh toán 1 lần, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Văn Đ1 phải chịu án phí là 115.900.000 Đ1.

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí 57.950.000 Đ1 cho bà Nguyễn Thu H1 theo biên lai thu số 0020378 ngày 02/01/2020 của Chi cục thi H1nh án dân sự quận Tân Phú.

Thi H1nh tại Cơ quan Thi H1nh án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi H1nh án có đơn yêu cầu thi H1nh án, nếu người phải thi H1nh án không thi H1nh thì H1ng tháng phải chịu lãi suất theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo qui định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng thời gian và số tiền chậm thi H1nh án; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 đối với số tiền chậm thực hiện tương đương với thời gian chậm thi H1nh án.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi H1nh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi H1nh án dân sự; người phải thi H1nh án dân sự có quyền thỏa thuận thi H1nh án, quyền yêu cầu thi H1nh án, tự nguyện thi H1nh án hoặc bị cưỡng chế thi H1nh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi H1nh án dân sự; thời hiệu thi H1nh án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi H1nh án dân sự.

Nơi nhận

- Tòa Án ND TH1nh phố Hồ Chí Minh
- VKS ND Q.Tân Phú
- Chi cục thi H1nh án Dân sự Q.Tân Phú

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

- Dương sự
- Lưu (Giang)

Nguyễn Thị Kim Cương